

Số: 08/2018/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 12 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 192/2017/TLST-HNGĐ ngày 14/12/2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Trần Thị L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Đội 8, thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2/ Bị đơn: Hoàng Văn Đ – sinh năm 1984.

Địa chỉ: Đội 2, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu H, sinh ngày 18/4/2012.

Địa chỉ: Đội 2, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Anh Hoàng Văn Đ, chị Trần Thị L là bố mẹ đẻ của cháu.

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

- Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/01/2018;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/01/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị L, sinh năm 1991. Địa chỉ: Đội 8, thôn Đ, xã Trung N, thành phố H, tỉnh Hưng Yên và anh Hoàng Văn Đ – sinh năm 1984. Địa chỉ: Đội 2, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Hoàng Văn Đ thoả thuận nhất trí thuận tình ly hôn.

* Về quan hệ con chung: Hai bên đương sự xác định, vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng A, sinh ngày 18/4/2012. Nay ly hôn, hai bên đương sự thỏa thuận nhất trí giao cháu Hoàng A cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Hoàng A tròn 18 tuổi, chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ 2.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu Hoàng A tròn 18 tuổi.

Chị Trần Thị L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu chị L không chịu thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành mà chị L không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 và điều 468 của Bộ luật Dân sự.

* Về tài sản chung và công nợ: Hai bên đương sự xác định vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai về tài sản nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Trần Thị L tự nguyện nhận chịu cả 150.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn và phải chịu 150.000 đồng án phí về phần cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số HY/2010/002991 ngày 13/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Chị Trần Thị L đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thành phố;
- Thi hành án TP;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H
THẨM PHÁN**

Vũ Công L